TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2026/HS-ST
Ngày 07-7-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

2. Bà Lê Nhật Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 271/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026, đối với:

Bị cáo Huỳnh Thanh P, sinh ngày 01/01/1999, tại thành phố Cần Thơ; CCCD số: 0920 9900 2936; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; Nơi tạm trú trước khi bị bắt: Khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Bé C và bà Nguyễn Thị Mỹ C1; Vợ đã ly hôn; Bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Đang bị tạm giam tại Cơ sở A, Trại tạm giam B, Công an Thành phố H, từ ngày 13/02/2026 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Mậu D, sinh năm 2003; Thường trú: Nhà thuê Nguyễn Hữu T thuộc tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1981; bà Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 2000; Cùng ngụ tại: Nhà T thuộc tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thất nghiệp và không có tiền tiêu xài nên Huỳnh Thanh P nảy sinh ý định tìm cách chiếm đoạt tiền của cơ sở có dịch vụ chuyển tiền.

Thực hiện ý định, khoảng 09 giờ 00 phút ngày 10/02/2026, P mượn xe mô tô biển số 68AA-403.48 của bà Nguyễn Thị Thanh N là mẹ của bạn gái P tên là Nguyễn Thị Ngọc D1, rồi điều khiển xe đi từ nhà trọ của bà N và D1 đến cửa hàng Đ, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Mậu D, để nhờ ông D chuyển tiền. Đến nơi, P nhờ ông D chuyển khoản 2.200.000 đồng rồi sau đó sẽ đưa lại tiền mặt, thì D đồng ý và chuyển số tiền 2.200.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng Á, số B của ông D đến tài khoản Ngân hàng S số 070095574971 của H. Chuyển xong thì P không đưa tiền mặt lại cho ông D như đã nói, mà lại nói với ông D là muốn mua 01 chiếc điện thoại di động trong tủ kính ở tiệm, nên kêu ông D lấy ra để lựa chọn nhằm mục đích lợi dụng lúc ông D sơ hở để tẩu thoát. Sau khi xem điện thoại di động mà ông D đưa thì P nói là máy không được sạch, yêu cầu ông D vệ sinh máy lại. Khi ông D quay lưng vào trong để vệ sinh thì P liền đi ra xe mô tô rồi điều khiển xe bỏ chạy về phòng trọ của D1.

Ông D đến Công an phường trình báo, qua làm việc thì P đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên, số tiền chiếm đoạt được thì P đã tiêu xài và trả nợ hết.

Qua kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của Huỳnh Thanh P, kết quả P dương tính với chất Methamphetamine (ma túy đá). P khai nhận sử dụng ma túy từ năm 2020 sau đó bỏ một thời gian. Ngày 05/02/2026, P sử dụng chung ma túy với một người đàn ông tên T1 quen biết ngoài xã hội, cùng với hai người bạn của T1 (P không rõ lai lịch của những người này).

Tại Kết luận giám định số 7591/KL-KTHS ngày 14/4/2026 của Phòng K Công an Thành phố H đã trích xuất được 12 khung hình ghi lại quá trình chiếm đoạt tài sản của Huỳnh Thanh P tại cửa hàng điện thoại Dương Nguyễn vào ngày 12/02/2026.

Đối với xe mô tô biển số 68AA-403.48, số máy: E32VE941859, số khung: RLCUE3710RY531539 qua tra cứu xác định bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1981, nơi thường trú: Khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang đứng tên chủ sở hữu. Bà N khai nhận vào ngày 10/02/2026 Huỳnh Thanh P nói mượn xe mô tô nêu trên của bà N để đi công việc, bà N không biết P dùng xe để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số A11015 ngày 12/05/2026 trả lại xe mô tô cho bà Nguyễn Thị Thanh N.

Về phần dân sự: Bị cáo P đã bồi thường cho ông Nguyễn Mậu D số tiền 2.200.000 đồng, ông D không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSKV 17 ngày 09 tháng 6 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Thanh P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, qua xét hỏi, thẩm tra và tranh luận công khai đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Thanh P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh P mức án 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù và xử lý án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, thống nhất với tội danh và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày rất ăn năn hối hận với hành vi phạm của mình, bị cáo xin lỗi người bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Thanh P đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp nội dung đơn tố giác của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và tranh luận công khai tại phiên tòa. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 10/02/2026 tại cửa hàng Đ, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Huỳnh Thanh P đã dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng chuyển giao số tiền 2.200.000 đồng qua hình thức chuyển khoản, rồi P đoạt số tiền này của ông D. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Trước khi phạm tội bị cáo còn sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần xử lý bị cáo thật nghiêm, để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt:

Mặc dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo là người nghiện ma túy, có thời gian sử dụng ma túy từ 2020 cho đến nay, nhưng không tự cai nghiện được. Là thanh niên trẻ khỏe nhưng lười biếng, không phải muốn tốn sức lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn cho bản thân, nhất là dùng tiền để mua ma túy sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo với xã hội bên ngoài một thời gian đủ dài, để có điều kiện tự học tập cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm và làm động lực để bị cáo yên tâm tập trung chấp hành hình phạt, sớm quay về với gia đình.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường số tiền 2.200.000 đồng cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Đối với vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 68AA-403.48, số máy: E32VE941859, số khung: RLCUE3710RY531539 là của bà Nguyễn Thị Thanh N, bà N cho P mượn và không biết P dùng xe để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại xe cho bà Nguyễn Thị Thanh N là có căn cứ.

[9] Như vậy, nội dung bản Cáo trạng số 65/CT-VKSKV 17 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị đối với bị cáo về tội danh là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo là quá nhẹ, chưa đảm bảo

tính răn đe, nhất là khi phạm tội bị cáo có sử dụng chất ma túy (mà rất nhiều trường hợp người sử dụng ma túy rồi phạm tội để lại hậu quả rất lớn cho xã hội) nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh P 01 (Một) năm 04 (B) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2026.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 hướng dẫn án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Thanh P phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 06 CA TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND kv 17 -TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS kv 17 -TP.Hồ Chí Minh;
- UBND xã Nhị Trường, tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo và Người TGTT;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sô